

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: Phó Giáo sư**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế ; Chuyên ngành: Tài chính, Quản lý

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Đăng Tuệ.

2. Ngày tháng năm sinh: 24/04/1981; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Bình Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 17 ngách 203/26 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 17 ngách 203/26 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0787193535 - 0869281244; E-mail: [tue.nguyendang@hust.edu.vn](mailto:tue.nguyendang@hust.edu.vn); [nguyendangtue@gmail.com](mailto:nguyendangtue@gmail.com)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 11, năm 2004 đến tháng 2 năm 2013: Chuyên viên vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Từ tháng 3, năm 2013 đến tháng 6 năm 2021: Giảng viên chính, Bộ môn Quản lý Tài chính, Viện Kinh tế và Quản lý, Trường đại học Bách khoa Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chức vụ: Hiện nay: .....; Chức vụ cao nhất đã qua: .....

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Kinh tế và Quản lý, Trường đại học Bách khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 207b nhà C9, Trường đại học Bách khoa Hà Nội, số 1 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (84-24) 3869 2304

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 9 tháng 1 năm 2007; số văn bằng: 820700; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Ngoại thương, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 6 năm 2009; số văn bằng: .....; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Phát triển Quốc tế; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường đại học Quốc tế Nhật Bản, Nhật Bản

- Được cấp bằng TS ngày 19 tháng 9 năm 2012; số văn bằng: .....; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế Quốc tế; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng IV: Công nghệ thông tin, Toán học, Kinh tế)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phát triển hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ trong bối cảnh tự chủ đại học
- Phổ cập tài chính cho cá nhân và doanh nghiệp cùng với sự phát triển của công nghệ tài chính và chuyển đổi số
- Tài chính cá nhân và hiểu biết tài chính

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (phụ) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 đề tài NCKH cấp cơ sở ;
- Đã công bố 42 bài báo khoa học, trong đó 5 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó có 4 bài là tác giả chính);
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 4, trong đó 4 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-16, 2016-17, 2018-19

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): .....

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá mình là một giảng viên nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khách quan trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Về công tác đào tạo đại học và sau đại học, tôi được Viện Kinh tế và Quản lý – Trường đại học Bách khoa Hà Nội phân công giảng dạy các môn học khác nhau như Lý thuyết Tài chính Tiền tệ, Cơ sở Quản trị Tài chính, Tài chính Doanh nghiệp, Các định chế Tài chính, Tài chính Quốc tế, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, Quản trị rủi ro trong kinh doanh, Bảo hiểm và được phân công hướng dẫn thực tập, khóa luận cho sinh viên đại học và luận văn cho học viên cao học. Tôi cũng được phân công biên soạn đề cương và tài liệu phục vụ công tác giảng dạy một số môn học như Lý thuyết Tài chính Tiền tệ, Bảo hiểm. Với nhiệm vụ nào tôi cũng cố gắng hoàn thành tốt, thực hiện hết trách nhiệm và bổn phận của một người giảng viên. Trong các năm học tôi đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có 3 năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua. Tôi đã hướng dẫn được 9 học viên cao học hoàn thành luận văn và 29 sinh viên đại học hoàn thành đề án/ khóa luận tốt nghiệp.

Về công tác nghiên cứu khoa học: cho đến nay tôi đã công bố được 42 công trình khoa học, trong đó 05 công trình trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Tôi đã tích cực tham gia thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp trong đó chủ trì 2 đề tài cấp cơ sở được bảo vệ thành công, tham gia với tư cách thư ký khoa học của 2 đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo được bảo vệ thành công và đang tham gia một số đề tài các cấp khác. Tôi cũng tích cực hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học có một nhóm sinh viên đạt giải nhất cấp Viện Kinh tế và Quản lý. Tôi cũng tích cực tham gia vào các hoạt động tư vấn chính sách để đưa các kiến thức và kết quả nghiên cứu và thực tế như dự án tư vấn chính sách Design of Social Protection Training Curriculum and transfer of knowledge and materials (Thiết kế các tài liệu giảng dạy về an sinh xã hội) và Survey on training needs for social assistance and building training for the trainers curriculum (Điều tra về nhu cầu đào tạo và xây dựng chương trình đào tạo về an sinh xã hội) do UNDP triển khai cùng với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 8 năm 3 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016			02	5	96	285	381/606/320
2	2016-2017			02	3	222	201	423/700.5/320
3	2017-2018			02	3	138	285	423/768/320
03 năm học cuối								
4	2018-2019			01	9	321	120	441/673.5/320
5	2019-2020			01	6	279	105	384/556.5/320
6	2020-2021		01		3	339	45	384/609/320

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc  TSKH; tại nước: Nhật Bản năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 8.0

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Lê Công Dũng		X	X		12/2018 đến 6/2019	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	6/9/2019
2.	Lê Quang Dũng		X	X		3/2016 đến 3/2017	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	3/7/2017
3.	Ngô Bá Duy		X	X		11/2016 đến 10/2017	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	27/12/2017
4.	Nguyễn Phúc Toàn		X	X		12/2017 đến 4/2019	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	9/7/2019
5.	Nguyễn Thị Hồng Nhung		X	X		7/2016 đến 3/2017	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	3/7/2017
6.	Nguyễn Văn Hùng		X	X		7/2017 đến 3/2018	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	21/5/2018
7.	Trần Nữ Hồng Dung		X	X		12/2015 đến 8/2016	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	24/11/2016
8.	Trần Thủy Tiên		X	X		5/2018 đến 4/2019	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	9/7/2019
9.	Nguyễn Thị Vũ Khuyên	X			X	10/2017 đến 11/2020	Trường đại học Kinh tế Quốc dân	QĐ số 244/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 6 tháng 5 năm 2021

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Phát triển dịch vụ tài chính cá	CK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia	11	Lê Trung Thành, Đình	13-99	Xác nhận của Viện Kinh tế và Quản lý - Trường đại học Bách

	nhân kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam		Hà Nội (2015)		Thị Thanh Vân		khoa Hà Nội ngày 19/7/2021
2	Quản lý Tài chính cá nhân và khởi nghiệp	CK	Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật (2018)	6	Đinh Thị Thanh Vân, Nguyễn Đăng Tuệ	11-267	Xác nhận của Viện Kinh tế và Quản lý - Trường đại học Bách khoa Hà Nội ngày 19/7/2021
3	Mô hình quỹ phát triển khoa học và công nghệ cho các trường đại học kỹ thuật – công nghệ ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật (2019)	3	Nguyễn Danh Nguyên, Nguyễn Đăng Tuệ	15-214	Xác nhận của Viện Kinh tế và Quản lý - Trường đại học Bách khoa Hà Nội ngày 19/7/2021
4	Giáo trình Bảo hiểm	GT	Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội (2019)	2	Nguyễn Đăng Tuệ, Nguyễn Thị Vũ Khuyên	9-295	Xác nhận của Trường đại học Bách khoa Hà Nội ngày 19/7/2021

Trong đó: 3 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và 1 giáo trình

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu mô hình huy động và quản lý nguồn lực tài chính cho phát triển khoa học và công nghệ của Trường đại học Bách khoa Hà Nội	CN	T2016 – PC - 172 Cấp cơ sở (Trường đại học Bách khoa Hà Nội)	Từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 7 năm 2017	12/06/2017 Xếp loại: Tốt

2	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc thanh toán thông qua các ứng dụng Fintech của sinh viên	CN	T2018-PC-106 Cấp cơ sở (Trường đại học Bách khoa Hà Nội)	Từ tháng 03 năm 2019 đến tháng 2 năm 2020	28/02/2020 Xếp loại: Đạt
3	Nghiên cứu mô hình Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ của các trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ quản lý theo mô hình tự chủ	TK	B2017-BKA-41 Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018 (gia hạn đến hết tháng 6/2019)	26/3/2020 Xếp loại: Đạt
4	Nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong bối cảnh áp dụng hiệp ước Basel II tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	TK	B2018-BKA-67 Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019 (gia hạn đến hết tháng 6/2020)	21/7/2021 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
1.	Đo lường năng lực hành vi tài chính: Chuẩn mực quốc tế và một số gợi ý cho Việt Nam	2	X	Tạp chí Ngân hàng/ISSN 0866-7462			14 8-13	07/2015
2.	Hoạt động xuất, nhập khẩu của Việt Nam trong bối	2	X	Tạp chí Tài chính/ISSN 2615-8973			616 21-23	09/2015

	cảnh Trung Quốc phá giá đồng Nhân Dân Tệ							
3.	Life insurance products for pension in Vietnam	1	X	VNU Journal of Science - Economics and Business/ISSN 0866-8612			31 5e 12-22	01/2016
4.	Ứng dụng công nghệ thông tin trên Internet trong giáo dục tài chính cá nhân	1	X	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ/ISSN 1859-2805			11 452 21-25	06/2016
5.	An introduction to Malaysian private retirement scheme	2	X	International conference on emerging challenges: managing to success/ISBN 978-604-938-723-4			236-243	11/2015
6.	Venture fund development: experience from Japan and implications for Vietnam	2	X	International conference on emerging challenges: managing to success/ISBN 978-604-938-723-4			181-189	11/2015
7.	Trường đại học tham gia vào quỹ đầu tư mạo hiểm - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia: Tăng cường tính định hướng thị trường trong hoạt động khoa học và công nghệ/ISBN 978-604-946-050-0			209-219	12/2015
8.	Các phương pháp giáo dục tài chính cá nhân cho thanh niên trên thế giới và bài học kinh nghiệm với Việt Nam	1	X	Tạp chí Khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội/ISSN 0866-8051			29 69-77	03/2017
9.	Factors Affecting Financial Literacy of Vietnamese Adults: A Case Study for Hanoi and Nghe An	1	X	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội/ISSN 0866-8612			33 2 59-73	06/2017
10.	So sánh hệ thống hưu trí Việt Nam và hệ thống hưu trí Mỹ thông qua mô hình hưu trí của OECD: sự bền vững của hệ thống dưới góc độ an toàn tài chính cá nhân cho người nghỉ hưu	2	X	International Conference on Developing Markets in International Integration context/ISBN 978-604-88-3505-7			761-774	10/2016
11.	Legal issues concerning academic-industry collaboration in	1	X	International Conference On Emerging Challenges: Partnership enhancement/ISBN 978-604-93-8961-0			91-99	11/2016



	exploiting research funds							
12.	Impacts of social insurance law 2014 on pension providers in Vietnam	2	X	International Conference on Emerging Issues in Economics and Business in the context of International Integration/ISBN 978-604-946-188-0			116-125	11/2016
13.	Phương pháp Quản lý tài chính cá nhân thông qua lập báo cáo tài chính cá nhân	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia Kế toán kiểm toán Việt Nam trong điều kiện hội nhập, tham gia vào các hiệp định thương mại thế giới /ISBN 978-604-65-2831-9			322-331	12/2016
14.	Mô hình quỹ khoa học công nghệ với sự tự chủ tài chính trong hoạt động nghiên cứu của các trường đại học công nghệ	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia Tự chủ đại học - Cơ hội và thách thức/ISBN 978-604-2345-4			112-127	09/2017
15.	Đo lường phổ cập tài chính tại Việt Nam	2	X	International Conference "Promoting financial inclusion in Vietnam"/ISBN 978-604-65-3108-1			325-342	09/2017
16.	Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển mô hình ngân hàng số và bài học rút ra đối với Việt Nam	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia Thương mại điện tử và giải pháp thông tin trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0/ISBN 978-604-931-534-3			414-423	09/2018
17.	Nghiên cứu nhân tố tác động tới việc sử dụng các dịch vụ thanh toán bằng Fintech, trường hợp sinh viên các trường đại học tại Hà Nội	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam/ISBN 978-604-931-555-8			166-179	10/2018
18.	Xây dựng Quỹ Khoa học Công nghệ hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục đại học	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia Đổi mới căn bản và toàn diện hoạt động đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng/ISBN 978-604-84-3502-8			655-660	10/2018
19.	Ứng dụng giáo dục mở trong giáo dục tài chính, kinh nghiệm Singapore và bài học cho Việt Nam	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia Hệ thống giáo dục mở trong bối cảnh tự chủ giáo dục và hội nhập quốc tế/ISBN 978-604-80-3136-7			46-53	06/2018
20.	Áp dụng mô hình quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại các trường đại học khối công nghệ ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			50 106-111	02/2019
21.	Hiện trạng vận hành quỹ phát triển	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ISSN 0866-7120			14 40-43	05/2019

	khoa học và công nghệ ở các trường đại học Việt Nam							
22.	Tổ chức hệ thống giáo dục tài chính cá nhân - từ bậc phổ thông tới giáo dục mở cho người trưởng thành, kinh nghiệm thế giới và bài học đối với Việt Nam	1	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia "Tái cấu trúc Hệ thống giáo dục Đại học và Nghề nghiệp của Việt Nam cho các thập niên đầu của thế kỷ XXI"/ISBN 978-604-80-3965-3			286-298	06/2019
23.	Tác động của phổ cập tài chính tới bình đẳng trong thu nhập - trường hợp các nước châu Á	1	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia "Thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam: Những vấn đề lý luận, kinh nghiệm thực tiễn của các nước"/ISBN 978-604-79-2081-5			458-465	04/2019
24.	Tiềm năng của ứng dụng Regtech trong ngành tài chính tại Việt Nam	1	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia "Kiểm soát tài chính ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế"/ISBN 978-604-89-7895-2			467-477	03/2019
25.	Tiềm năng của Fintech trong việc thúc đẩy phổ cập tài chính cho khu vực nông thôn tại Việt Nam	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia "Vai trò của các tổ chức tài chính và ứng dụng CNTT trong thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam"/ISBN 978-604-79-2203-1			229-237	09/2019
26.	Tác động tiêu cực của Basel II và ảnh hưởng đến tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa	2	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương/ISSN 0868-3808			547 102-104	08/2019
27.	Kiểm định chất lượng giáo dục đại học hướng tới sự minh bạch và khách quan	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia "Bảo đảm & Kiểm định chất lượng Giáo dục đại học trên thế giới và ở Việt Nam"/ISBN 978-604-84-4503-4			265-271	10/2019
28.	Ứng dụng fintech trong việc hỗ trợ hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia "Nghiên cứu và đào tạo kế toán kiểm toán"/ ISBN 978-604-65-4565-1			387-400	12/2019
29.	Lập kế hoạch tài chính cho hưu trí và sử dụng sản phẩm hưu trí: nghiên cứu đối với giáo viên Việt Nam	2	X	Hội thảo Khoa học Quốc gia "Thực trạng và giải pháp thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam"/ISBN 978-604-79-2259-8			86-95	11/2019
30.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín	3	X	Tạp chí Kinh tế và Quản lý/ISSN 1859-4565			31 37-40	12/2019

	dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa							
31.	Các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động nghiên cứu và phát triển – đánh giá từ góc độ nhà quản lý ở các trường đại học khối kỹ thuật, công nghệ	1	X	Tạp chí nghiên cứu Tài chính - Marketing/ISSN 1859 - 3690			54 23-37	12/2019
32.	Nhân tố tác động tới việc tiếp tục sử dụng dịch vụ thanh toán bằng Fintech của sinh viên các trường đại học	1	X	Tạp chí kinh tế đối ngoại/ISSN 1859 - 4050			122 42-55	10/2019
33.	<b>Determinants of university research and development outcomes – a study from faculty’s perspectives</b>	2	X	<b>International Journal of Innovation and Learning/ISSN 1471-8197 (DOI: <a href="https://doi.org/10.1504/IJIL.2020.108459">https://doi.org/10.1504/IJIL.2020.108459</a>)</b>	<b>Web of Science (ESCI), Scopus</b>		<b>28 1 82-97</b>	<b>06/2020</b>
34.	<b>Financial constraint on R&amp;D activities in Vietnamese universities – an empirical research</b>	1	X	<b>Journal of Organizations and Markets in Emerging Economies/ISSN 2029-4581 (DOI:10.15388/omee.2020.11.32)</b>	<b>Web of Science (ESCI), Scopus</b>		<b>11 1 222-243</b>	<b>03/2020</b>
35.	Vấn đề tài sản đảm bảo của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Thành phố Hồ Chí Minh trong việc tiếp cận tín dụng khi ngân hàng áp dụng Hiệp ước vốn Basel 2	3	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương/ISSN 0868-3808			566 79-81	06/2020
36.	<b>The Determinants of Distribution of Credit Evidence from Vietnam</b>	3	X	<b>Journal of Distribution Science/ISSN 1738-3110 (DOI: <a href="https://doi.org/10.15722/jds.18.6.202006.47">https://doi.org/10.15722/jds.18.6.202006.47</a>)</b>	<b>Scopus</b>		<b>18 6 47-56</b>	<b>06/2020</b>
37.	Fintech for payment, a literature review	2	X	The 8th International Conference on Emerging Challenges: Contemporary Issues in Innovation and Management/ISBN 978-604-316-008-6			308-315	11/2020
38.	Effects of institutional policies and characteristics on research productivity at vietnam science	3		Helyion/ISSN 2405-8440 (DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.helyion.2021.e06024">https://doi.org/10.1016/j.helyion.2021.e06024</a> )	<b>Web of Science (ESCI), Scopus</b>		7 1 2-8	01/2021

	and technology universities							
39.	<b>Vietnam Higher Education Expansion and Labour Market Outcomes</b>	2	X	<b>Journal of Asian Finance, Economics and Business /ISSN 2288-4637 (DOI: <a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no2.1263">https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no2.1263</a>)</b>	<b>Web of Science (ESCI), Scopus</b>		8 2 1263-1268	02/2021
40.	Financial Education Program Evaluation: The Situation in Vietnam	1	X	Local Administration Journal/ISSN 2730-1834			14 1 1-18	03/2021
41.	Chuyên đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa – một số vấn đề tổng quan	1	X	Hội thảo Quốc gia Chuyển đổi số và Quản trị nhân lực/ISBN 978-604-324-861-6			98-112	06/2021
42.	Thách thức chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục đại học - trường hợp trường đại học bách khoa Hà Nội	1	X	Hội thảo Quốc gia Chuyển đổi số trong giáo dục đại học/ISBN 978-604-84-5963-5			124-132	07/2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 04 bài bao gồm các bài số 33,34,36,39

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**TS. Nguyễn Đăng Tuệ**